

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/DS-ST
Ngày: 30-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự (HĐ tín dụng)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Thanh Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2019/TLST-DS ngày 15/02/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự” (hợp đồng tín dụng), theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-DS ngày 08/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-DS ngày 24/7/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV A (X); địa chỉ: Số 67 L, phường N, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Z, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của ông Z: Ông K, chức vụ: Phó tổng giám đốc (văn bản ủy quyền số 74/UQ-CEO.18 ngày 28/12/2018).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông H, chức vụ: Trưởng bộ phận thu nợ. Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 08/3/2019).

2. *Bị đơn:* Ông B, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp O, xã P, huyện D, tỉnh Bình Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông C, sinh năm 1972;

3.2. Bà Đ, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: ấp O, xã P, huyện D, tỉnh Bình Dương

Nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông H trình bày:

Ngày 26/8/2016 Công ty TNHH MTV A (sau đây được viết tắt là X) có giao kết hợp đồng tín dụng số 100013994 với ông B với số tiền 634.000.000 đồng, mục đích của khoản vay là để mua 01 xe ô tô TOYOTA INNOVA số khung **RL4JW8EM9G3221085**, số máy 1TRA127485, biển kiểm soát 61A-306.93. Đồng thời chiếc xe nêu trên là tài sản đảm bảo cho khoản vay của ông B. Thời hạn vay là 84 tháng với mức lãi xuất là 7.99%/năm, lãi xuất được điều chỉnh sau mỗi 03 tháng, hiện nay lãi xuất của hợp đồng tín dụng nêu trên là 10.85%/năm. Ngoài ra nếu bên vay không thực hiện việc thanh toán theo như lịch trình đã thỏa thuận thì phải chịu lãi xuất phạt tương đương 150% lãi xuất vay tại thời điểm tương ứng số tiền chậm thanh toán.

Quá trình thực hiện hợp đồng, trước khi X khởi kiện thì ông B đã thanh toán khoản vay được đến kỳ của tháng 3/2018. Tại thời điểm khởi kiện, ông B còn nợ 488.154.482 đồng, gồm 452.857.120 đồng tiền nợ gốc, 34.392.534 đồng tiền nợ lãi và 904.828 đồng nợ lãi quá hạn. Sau khi X khởi kiện, ông B đã thanh toán 330.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi.

Đến ngày xét xử sơ thẩm, ông B còn nợ 197.062.556 đồng, gồm 196.594.066 đồng tiền gốc, 468.490 đồng tiền lãi từ ngày 26/8/2019 đến ngày 30/8/2019.

Do ông B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, do vậy X khởi kiện yêu cầu ông B phải thanh toán khoản nợ toàn bộ số tiền nợ trước hạn và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 197.062.556 đồng.

Trường hợp ông B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì X yêu cầu được xử lý tài sản bảo đảm là ô tô TOYOTA INNOVA số khung **8EM9G3221085**, số máy 1TRA127485, biển kiểm soát 61A-306.93 để cầm trừ nợ.

Đối với bị đơn (ông B)

Ông B được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp chứng cứ gì.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 21/6/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông C) trình bày:

Ông C là cha ruột của ông B. Vào tháng 8/2016, ông B có ký kết với X hợp đồng tín dụng để mua trả góp 01 xe ô tô TOYOTA INNOVA biển kiểm soát 61A 306.93. Ông C và bà Đ (vợ ông B cùng ký bảo lãnh cho khoản vay

trên của ông B. Quá trình thực hiện hợp đồng thì gia đình ông C thực hiện nghĩa vụ đóng tiền gốc và tiền lãi đến khoảng đầu năm 2018 thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Công ty X. Sau khi X khởi kiện thì phía gia đình ông C đã trả được khoảng tiền 90.000.000 đồng. Trước yêu cầu khởi kiện của X thì gia đình ông C đồng ý trả số tiền còn lại.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 24/6/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Đ) trình bày:

Bà Đ là mẹ ruột của ông B. Vào tháng 8/2016, ông B có ký kết với X hợp đồng tín dụng để mua trả góp 01 xe ô tô TOYOTA INNOVA biển kiểm soát 61A 306.93. Bà Đ và ông C cùng đứng ra bảo lãnh cho khoản vay trên của ông B. Quá trình thực hiện hợp đồng thì gia đình bà Đ thực hiện nghĩa vụ đóng tiền gốc và tiền lãi đến khoảng đầu năm 2018 thì vi phạm nghĩa vụ thanh toán với X. Tính đến ngày 24/6/2019, thì gia đình bà Đ còn nợ X số tiền khoảng 300.000.000 đồng. Trước yêu cầu khởi kiện của X thì gia đình bà Đ đồng ý trả số tiền còn lại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự (hợp đồng tín dụng).

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy nguyên đơn có chứng cứ chứng minh bị đơn vay tiền của nguyên đơn và có thể chấp tài sản là xe TOYOTA INNOVA biển kiểm soát 61A 306.93. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét gồm:

Đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2018; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản sao); Đề nghị cấp tín dụng ngày 26/8/2016 (bản sao); Bản kê chi tiết số tiền phải thanh toán đến ngày 30/11/2018; Chứng nhận đăng ký ô tô biển kiểm soát 61A-306.93 (bản sao); Thông báo xử lý tài sản lần 1 ngày 29/3/2017; Thông báo xử lý tài sản lần 2 ngày 26/6/2017; Thông báo xử lý tài sản lần 3 ngày 14/7/2017; Yêu cầu thanh toán lần 1 ngày 13/3/2017; Yêu cầu thanh toán lần 2 ngày 02/3/2018; Thông báo xử lý khoản nợ quá hạn lần 1 ngày 20/3/2017; Thông báo xử lý khoản nợ quá hạn lần 2 ngày 05/6/2017; Thông báo xử lý khoản nợ quá hạn lần 3 ngày 16/10/2017; Tập tài liệu về cấp tín dụng mua

xe ô tô; Bản tự khai của đại diện nguyên đơn ngày 25/02/2019; Giấy ủy quyền số 74/UQ-CEO.18 ngày 28/12/2018; giấy ủy quyền ngày 25/02/2019 và ngày 08/3/2019; Chi tiết số tiền phải thanh toán tính đến ngày 12/3/2019; Bảng chi tiết thanh toán tính đến ngày 30/8/2019;

Lời khai của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai thống nhất với nhau về việc nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có ký kết với nhau hợp đồng tín dụng để mua xe ô tô TOYOTA INNOVA biển kiểm soát 61A 306.93, thống nhất với nhau về thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Nguyên đơn trình bày sau ngày nguyên đơn khởi kiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có thanh toán cho nguyên đơn 05 lần với tổng số tiền gốc và lãi là 330.000.000 đồng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày sau khi nguyên đơn khởi kiện có thanh toán cho nguyên đơn 90.000.000 đồng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận số nợ và đồng ý thanh toán nhưng không tham dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng để bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Việc vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng dân sự (hợp đồng tín dụng). Bị đơn có nơi cư trú tại ấp Chợ, xã Thanh Tuyền, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dân sự” (hợp đồng tín dụng).

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2018, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tổng số tiền là 488.154.482 đồng, gồm 452.857.120 đồng tiền nợ gốc; 35.297.362 đồng tiền nợ lãi. Tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày trong quá trình tố tụng, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thanh toán cho nguyên đơn 330.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 30/8/2019), số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 197.062.556 đồng, gồm 196.594.066 đồng tiền gốc, 468.490 đồng tiền lãi từ ngày 26/8/2019 đến ngày

30/8/2019. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 197.062.556 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 26/8/2016, nguyên đơn và bị đơn giao kết với nhau hợp đồng tín dụng số 100013994, theo đó nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 634.000.000 đồng, mục đích của khoản vay là để mua xe ô tô TOYOTA INNOVA số khung 8EM9G3221085, số máy 1TRA127485, biển kiểm soát 61A-306.93, thời hạn vay là 84 tháng. Quá trình tiến hành tố tụng bị đơn cố tình vắng mặt, không cung cấp chứng cứ gì. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông C và bà Đ) là cha, mẹ ruột của bị đơn, đồng thời là người bảo lãnh cho bị đơn vay vốn của nguyên đơn đã xác nhận việc bị đơn và nguyên đơn có ký kết với nhau hợp đồng tín dụng như nguyên đơn đã trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận việc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn từ khoảng tháng 3/2018, điều này phù hợp với lời trình bày và chứng cứ mà đại diện nguyên đơn cung cấp là bảng “Chi tiết thanh toán”. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng mà các bên đã giao kết, kỳ thanh toán của bị đơn vào ngày 26 dương lịch hàng tháng và kết thúc (kỳ cuối cùng) vào ngày 26/8/2023. Đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 30/8/2019), phía gia đình bị đơn đã thanh toán hết phần nghĩa vụ vi phạm, đại diện nguyên đơn xác định bị đơn không còn nợ quá hạn theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tuy nhiên do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán trước hạn toàn bộ giá trị hợp đồng còn lại với số tiền 197.062.556 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 12 tập tài liệu về cấp tín dụng mua xe ô tô kèm theo hợp đồng tín dụng; các Điều 302 và 305 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[2.3] Xét lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông C, bà Đ): Ông C, bà Đ thừa nhận việc cùng ký tên bảo đảm cho khoản vay của ông B và xác nhận gia đình ông C, bà Đ đã vi phạm nghĩa vụ với nguyên đơn. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất cùng nhau trả nợ. Mặc dù người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thừa nhận việc bảo lãnh cho bị đơn vay tiền và đồng ý thanh toán trước hạn nhưng không tham dự phiên tòa. Tại bản tự khai ngày 21/6/2019, ông C trình bày, phía gia đình ông đã thanh toán cho Công ty X thêm khoản tiền 90.000.000 đồng kể từ đầu năm 2019 đến ngày 21/6/2019. Sau ngày 21/6/2019, gia đình ông C có thanh toán cho nguyên đơn nhiều lần nhưng không cung cấp cho Tòa án chứng từ thanh toán để chứng minh số tiền còn nợ. Tại phiên tòa, nguyên đơn cung cấp bảng thống kê chi tiết việc thanh toán thể hiện số tiền bị đơn có nghĩa vụ phải thanh toán cho đến cuối kỳ là 197.062.556 đồng. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa để đối chất và tranh

luận về số tiền và nghĩa vụ trả nợ, do vậy, bảng chi tiết thanh toán do nguyên đơn cung cấp là cơ sở chấp nhận.

[3] Đối với trách nhiệm của người bảo lãnh: Mặc dù người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông C và bà Đ ký bảo lãnh cho ông B vay tiền, tuy nhiên theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan liên đới thanh toán nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở buộc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về phần các thủ tục tố tụng cũng như về nội dung vụ án là phù hợp pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 30, 35, 39, 71, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 302, 305, 361, 362 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 91, 95, 108 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV A đối với ông B về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự” (hợp đồng tín dụng).

Buộc ông B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH MTV A số tiền 197.062.556 đồng (một trăm chín mươi bảy triệu không trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng), gồm 196.594.066 đồng tiền gốc, 468.490 đồng tiền lãi từ ngày 26/8/2019 đến ngày 30/8/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/8/2019) cho đến khi thi hành án xong, ông B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 100013994 ngày 28/6/2016 giữa Công ty TNHH MTV A với ông B, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Trường hợp ông B không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên thì Công ty TNHH MTV A được quyền xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án theo hợp đồng tín dụng số 100013994 ngày 28/6/2016 giữa Công ty TNHH MTV A với ông B.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông B phải chịu 9.853.127 đồng (chín triệu tám trăm năm mươi ba ngàn một trăm hai mươi bảy đồng).

3.2. Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV A 11.763.089 đồng (mười một triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn không trăm tám mươi chín đồng) tiền tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012952 ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 30/8/2019).

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Ngọc Lan